

thay đổi. Ngoài ra, anh T không quan tâm gia đình, vợ con và thường nhảu tin chửi mắng, xúc phạm chị Th. Gia đình hai bên có hàn gắu nhiều lần nhưng không thành. Hiện tại, vợ chồng đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Do đó, chị Th yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phương T, sinh ngày 05/10/2017. Khi ly hôn chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo mức quy định của pháp luật cho đến khi cháu Thúy đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Duy T trình bày:

Anh T thống nhất với trình bày của chị Th về các vấn đề hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Đối với mâu thuẫn vợ chồng anh không thống nhất. Cụ thể anh T xác định:

Về hôn nhân: Anh và chị Th tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 17/10/2017. Quá trình chung sống anh có gây ra nợ nần nhưng cha mẹ anh đã trả xong. Trong lúc bị áp lực nợ nần, gia đình, anh có nhảu tin chửi mắng chị Th nhưng sau đó anh có xin lỗi chị Th. Anh nhận toàn bộ lỗi làm đã gây ra và xin chị Th cho anh cơ hội để sửa đổi. Anh hứa trước Tòa án là anh sẽ sửa chữa sai lầm, làm lại từ đầu. Do rất còn thương vợ con nên anh không thống nhất ly hôn với chị Th.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phương T, sinh ngày 05/10/2017. Hiện đang do chị Th nuôi. Trường hợp vợ chồng ly hôn thì anh thống nhất để cho chị Th tiếp tục nuôi dạy con chung và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo mức quy định của pháp luật cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Chị Th và anh T chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Do anh chị chung sống không còn hạnh phúc, đã ly thân hơn 01 năm nay mà không có thiện chí đoàn tụ gia đình nên cần xử lý cho

anh chị được ly hôn. Con chung là cháu T hiện chị Th nuôi dạy nên cần giao cháu T cho chị Th tiếp tục nuôi dạy, anh T cấp dưỡng nuôi con theo mức quy định pháp luật, mỗi tháng 745.000 đồng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Tài sản chung, nợ chung không có nên không đề nghị xem xét. Chị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh T phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Trang Phương Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Duy T. Do anh chị chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; anh T có địa chỉ tại Khóm 2, thị trấn T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị Th thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Trang Phương Th và anh Nguyễn Duy T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 17/10/2017. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án chị Th yêu cầu ly hôn với anh T. Xét thấy, yêu cầu của chị Th là có cơ sở. Bởi vì, thời gian chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau và hiện tại đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Mặc dù anh T không thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị Th. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tổ chức hòa giải để anh chị có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do chị Th cương quyết yêu cầu ly hôn với anh T. Mặt khác, việc chị Th, anh T xảy ra mâu

thuần và hiện tại đã ly thân là phù hợp với biên bản lấy lời khai của người làm chứng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Trang Phương Th và anh Nguyễn Duy T được ly hôn.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Phương T, sinh ngày 05/10/2017 (giới tính nữ). Xét thấy, việc chị Th yêu cầu nuôi dạy cháu T là có căn cứ. Bởi vì, cháu T là nữ và đang do chị Th nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con sẽ làm ảnh hưởng đến tình cảm của cháu. Đồng thời, anh T cũng thống nhất để cho chị Th nuôi dạy cháu T. Vì vậy cần tiếp tục giao cháu T cho chị Th nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, chị Th yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật là có cơ sở. Bởi vì, cháu T chưa đủ 18 tuổi và hiện chị Th nuôi dạy, việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên được pháp luật quy định. Vì vậy, cần buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật với mức cấp dưỡng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ bản với số tiền 745.000 đồng/tháng (mức lương cơ bản hiện nay là 1.490.000 đồng/tháng), kể từ khi bản án có hiệu lực đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

[5] Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Anh T phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th, anh T xác định anh chị không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 116, 117 của luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trang Phương Th và anh Nguyễn Duy T được ly hôn.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 05/10/2017 (giới tính nữ) cho chị Trang Phương Th tiếp tục nuôi dạy. Anh Nguyễn Duy T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật với số tiền 745.000 đồng/tháng, kể từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh T không trực tiếp nuôi dạy cháu T nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai được quyền cản trở.
3. Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của chị Th, trường hợp anh T chậm thanh toán khoản tiền cấp dưỡng thì anh T phải chịu tiền lãi theo định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.
4. Về án phí:
Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trang Phương Th phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 24 tháng 5 năm 2022 chị Th có dự nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0014980 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.
Án phí cấp dưỡng: Anh Nguyễn Duy T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).
5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.
6. Về quyền kháng cáo: Chị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND thị trấn Thới Bình;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bảo Trâm